

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36 /2021/DS-PT

Ngày: 19 - 01 - 2021

V/v tranh chấp  
“Chia thừa kế theo pháp luật”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hoàng Hiệp.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Lê Huy.  
Bà Nguyễn Ái Doan.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Ông Trần Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 507/2020/TLPT-DS ngày 20 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp “Chia thừa kế theo pháp luật”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 319/2020/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 578/2020/QĐ-PT ngày 25 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn: Đỗ Thị Tuyết Nh** - sinh năm 1993 (có mặt);

Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Là người đại diện theo pháp luật của: **Phan Thị Tuyết N** - sinh năm 2014;

HKTT: ấp L, xã Q, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang

**- Bị đơn: Nguyễn Thị Ch** - sinh năm: 1955 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp L, xã Q, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: chị **Nguyễn Thị Mộng B** - sinh năm 1995 (có mặt);

Địa chỉ: ấp L, xã Q, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

**1. Ngân hàng TMCP SGTT.**

Trụ sở: Đường N, Phường A, Quận A, thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Đức Thạch D** - chức vụ: Tổng giám đốc.

**Ngân hàng TMCP SGTT - Chi nhánh tỉnh Tiền Giang.**

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn G** - chức vụ: Giám đốc chi nhánh (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số 06 Đ, Phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

**2. Nguyễn Thị Mộng B** - sinh năm 1995 (có mặt);

Địa chỉ: ấp L, xã Q, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

-*Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị Ch và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Mộng B.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Nguyên đơn bà Đỗ Thị Tuyết Nh trình bày:*

Chị và anh Phan Quang M, sinh năm 1964; địa chỉ: ấp L, xã Q, huyện C, tỉnh Tiền Giang là vợ chồng, anh chị có 01 con chung tên Phan Thị Tuyết N, sinh ngày 21/6/2014. Phan Thị Tuyết N hiện nay hiện đang sống với chị. Ngày 19/01/2018, chị Nh và anh M đã thuận tình ly hôn và được Tòa án nhân dân huyện C công nhận theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 40/2018/QĐST-HNGĐ. Theo Quyết định trên, chị Nh được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Phan Thị Tuyết N và anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mỗi tháng 700.000 đồng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi lao động được.

Ngày 18/12/2019, anh Phan Quang M chết vì tai nạn giao thông, có đăng ký khai tử và được UBND xã Q cấp Giấy chứng tử theo quy định của pháp luật. Anh M chết không để lại di chúc.

Khi anh M còn sống có gởi tiền tiết kiệm tại Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT - phòng giao dịch huyện C với số tiền mặt là 1.150.000.000 đồng Việt Nam. Cha, mẹ của anh M cũng đã chết trước anh M, do đó khi anh M chết thì chỉ có một mình cháu Phan Thị Tuyết N là người thừa kế duy nhất theo pháp luật của anh M. Vì vậy, chị là mẹ ruột và là người đại diện theo pháp luật cho cháu N tiến hành làm thủ tục khai nhận di sản thừa kế do anh M chết để lại tại Văn phòng công chứng Cửu Long.

Văn phòng công chứng Cửu Long tiến hành thủ tục niêm yết theo quy định, trong thời gian niêm yết, bà Nguyễn Thị Ch là chị ruột của anh M viện dẫn nhiều lý do để khiếu nại, ngăn cản và không đồng ý việc chị Nh khai nhận di sản thừa kế của anh M cho cháu N vì bà Ch cho rằng cháu N không phải là con ruột của anh Phan Văn M. Điều này gây cản trở việc khai nhận di sản của cháu N.

Nhận thấy việc bà Ch viện lý do cho rằng cháu N không phải là con ruột của anh M là trái quy định của pháp luật vì theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 40/2018/QĐST-HNGĐ đã xác định cháu N là con chung giữa chị và anh M, đồng thời anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 700.000 đồng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 02/2018 đến khi Nhi đủ 18 tuổi. Do đó, việc cản trở của bà Ch là không đúng, làm cản trở, thiệt hại việc khai nhận di sản cho cháu N.

Nay chị Nh yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản do ông Phan Quang M chết để lại là số tiền 1.150.000.000 đồng được ông Phan Quang M ký gởi tại Ngân hàng TMCP SGTT - phòng giao dịch Chợ Gạo cho cháu Phan Thị Tuyết N được hưởng.

*Bị đơn Nguyễn Thị Ch trình bày.*

Bà là chị ruột của ông Phan Quang M, ông Phan Quang M chết ngày 22/10/2019, không để lại di chúc. Bà Nguyễn Thị Ch thống nhất di sản do ông Minh chết để lại là số tiền 1.150.000.000 đồng được ký gởi tại Ngân hàng S. Hàng thừa kế thứ nhất của ông M gồm có: cha là Phan Văn Trí (mất năm 1972), mẹ là Dương Thị Mười (mất năm 2013) và con là Phan Thị Tuyết N - sinh ngày 21/6/2014. Vào ngày 19/01/2018, ông M và chị Nh đã ly hôn tại Tòa án huyện C. Sau khi ly hôn, ông M tổ chức đám cưới với chị Nguyễn Thị Mộng B - sinh năm 1995, địa chỉ ấp L, xã Q, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào tháng 10/2019. Tuy nhiên giữa ông M và chị Mộng B chưa có đăng ký kết hôn. Ông Phan Quang M bị bệnh từ nhỏ phải điều trị nên ông M đã bị vô sinh nên bà Ch xác định cháu N không phải là con ruột của ông M, bà Ch không có tài liệu chứng cứ chứng minh nên bà Ch yêu cầu trung cầu giám định ADN đối với cháu Tuyết N. Nếu cháu N là con ruột của ông M, bà Ch thống nhất để lại số tiền trên cho cháu N. Nếu cháu N không phải con ông M thì bà Ch là hàng thừa kế thứ hai và duy nhất của ông M nên được hưởng số tiền trên.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Mộng B trình bày:*

Chị B xác định Chị B và anh Phan Quang M tổ chức đám cưới vào cuối năm 2019, do bận công việc nên Chị B và anh M chưa đi đăng ký kết hôn, đồng thời cháu N không phải là con ruột của anh M nên đề nghị Tòa án tiến hành giám định ADN của cháu N. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị không đồng ý và chị thống nhất với ý kiến của bà Nguyễn Thị Ch.

Bản án dân sự sơ thẩm số 319/2020/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng:

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 649, Điều 650 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

## 1. Chấp nhận toàn yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Tuyết Nh.

- Chia thừa kế theo pháp luật phần di sản do ông Phan Quang M để lại cho hàng thừa kế thứ nhất là cháu Phan Thị Tuyết N.

- Cháu Phan Thị Tuyết N được quyền sở hữu số tiền do ông Phan Quang M ký gởi tại Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT - Chi nhánh Tiền Giang - Phòng giao dịch Chợ Gạo, cụ thể:

+ Tài khoản tiền gởi có kỳ hạn số 070069453455, mở tại Sacombank CN Tiền Giang - PGD Chợ Gạo, số tiền 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng).

+ Tài khoản tiền gởi có kỳ hạn số 070089444959, mở tại Sacombank CN Tiền Giang - PGD Chợ Gạo, số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

+ Tài khoản tiền gởi có kỳ hạn số 070089445157, mở tại Sacombank CN Tiền Giang - PGD Chợ Gạo, số tiền 50.000.000 đồng (Năm chục triệu đồng).

+ Tài khoản tiền gởi có kỳ hạn số 070099899237, mở tại Sacombank CN Tiền Giang - PGD Chợ Gạo, số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

- Giao cho chị Đỗ Thị Tuyết Nh là người giám hộ của cháu Phan Thị Tuyết N quản lý tài sản trên.

## 2. Về án phí:

Cháu Phan Thị Tuyết N phải chịu 46.500.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu năm trăm ngàn đồng), án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị Đỗ Thị Tuyết Nh 23.250.000 đồng (Hai mươi ba triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003473 ngày 25/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

\* Ngày 06 tháng 10 năm 2020, bị đơn bà Nguyễn Thị Ch, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Mộng B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ **thẩm** số 319/2020/DS-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận đơn kháng cáo, bác yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Tuyết Nh.

\* Tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự trình bày, tranh luận:

- Nguyên đơn bà Đỗ Thị Tuyết Nh, không đồng ý với nội dung kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Ch, chị Nguyễn Thị Mộng B, nếu bị đơn cho rằng anh M chồng chị có vay nợ, chi phí đám tang, tiền điều trị bệnh cho anh M trước khi chết nếu đúng thực tế có chứng cứ hợp pháp thì chị chi trả.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Ch, chị Nguyễn Thị Mộng B (Chị B đại diện theo ủy quyền của bà Ch) tại phiên tòa phúc thẩm bà đồng ý với việc tòa án cấp sơ thẩm xét xử cho cháu Phan Thị Tuyết N thừa kế theo pháp luật đối với số tiền là tài sản của anh M chết để lại vì đã xác định cháu N là con của anh M và là hàng thừa kế thứ nhất duy nhất theo pháp luật bà Ch và chị đồng ý như Tòa án sơ thẩm đã xét xử. Do cháu Tuyết

N là người thừa kế tiền của anh M để lại nên cháu Tuyết N phải trả số tiền nợ và tiền chi phí điều trị khi anh M bị tai nạn, chi phí đám tang cho anh M.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng TMCP SGTT.

Trụ sở: Đường N, Phường A, Quận A, thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức Thạch D - chức vụ: Tổng giám đốc.

Ngân hàng TMCP SGTT - Chi nhánh tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn G - chức vụ: Giám đốc chi nhánh, xin vắng mặt nên không có ý kiến tại phiên tòa phúc thẩm.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì khác để bảo vệ nội dung kháng cáo, Bị đơn đồng ý với kết quả xét xử của tòa án cấp sơ thẩm, nhưng yêu cầu nguyên đơn phải có nghĩa vụ thanh toán tiền vay nợ, tiền chi phí điều trị khi bị tai nạn, chi phí đám tang cho anh M nhưng khi giải quyết tại cấp sơ thẩm bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa yêu cầu phản tố hay yêu cầu độc lập, nên xét thấy không có căn cứ để chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ y bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm. Bị đơn ủy quyền, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan xin vắng mặt, căn cứ Điều 296 Bộ Luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[2] Xét nội dung đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Ch, chị Nguyễn Thị Mộng B yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận đơn kháng cáo, bác yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Tuyết Nh với lý do bị đơn cho rằng cháu Phan Thị Tuyết Tuyết Nhi không phải là con của anh Phan Quang M. Nhưng tại phiên tòa phúc thẩm chị Nguyễn Thị Mộng B đại diện ủy quyền của bị đơn đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan rút lại nội dung kháng cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là đúng, cháu Tuyết N là con của anh M, cháu Tuyết N là người thừa kế theo pháp luật được hưởng số tài sản của anh M chết để lại là đúng, chị và bà Ch không có ý kiến hay kháng cáo với nội dung đó, chị và bà Ch chỉ yêu cầu cháu Tuyết N được thừa kế số tiền của anh M chết để lại phải có nghĩa vụ thanh toán tiền vay nợ, tiền điều trị bệnh khi anh M bị tai nạn và tiền chi phí đám tang khi anh M chết, nhưng chị và bà Ch không rút đơn kháng cáo. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

- Về di sản thừa kế: Theo tài liệu và hồ sơ cấp sơ thẩm thể hiện, chị Nh và đại diện ủy quyền của bị đơn thống nhất di sản do ông Phan Quang M chết để lại là số tiền mặt được ông Minh ký gởi tại Ngân hàng TMCP SGTT- chi nhánh tỉnh Tiền Giang- Phòng giao dịch Chợ Gạo với số tiền là 1.150.000.000 đồng. Lời thừa nhận của các đương sự phù hợp với Công văn số 137/2020/CV-CNTG ngày 20/4/2020 của Ngân hàng (bút lục 80). Do đó có đủ cơ sở xác định di sản thừa kế của ông Phan Quang M là số tiền 1.150.000.000 đồng được ông M gởi tại Ngân hàng.

- Về hàng thừa kế: Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Giấy khai sinh số 164/2014 quyền số 01/2014 của Ủy ban nhân dân xã Q cấp thể hiện Cháu Phan Tuyết N thể hiện họ tên cha là Phan Quang M, họ tên mẹ là Đỗ Thị Tuyết Nh và Quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 40/2018/QĐST-HNGĐ ngày 19/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện C đã xác định cháu Phan Thị Tuyết N là con của ông Phan Quang M, do anh M chết không để lại di chúc có vợ là chị Nh nhưng đã ly hôn, kết hôn với Chị B nhưng chưa đăng ký kết hôn; cha đẻ, mẹ đẻ đã chết trước khi anh M chết, cha nuôi, mẹ nuôi không có; con đẻ của ông Minh là cháu Phan Thị Tuyết N do không có những đồng thừa kế nên cháu N là người duy nhất thừa kế theo pháp luật.

[3] Đối với yêu cầu của bà Ch, chị Nguyễn Thị Mộng B tại phiên phúc thẩm về việc cháu N là người thừa kế tài sản của anh M chết để lại phải có nghĩa vụ trả nợ thay cho anh M, hoàn trả tiền chi phí điều trị khi anh M bị tai nạn và tiền đám tang cho anh M. Hội đồng xét xử xét thấy tại cấp sơ thẩm bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu phản tố, không có yêu cầu độc lập, nên Tòa án cấp sơ thẩm chưa thụ lý giải quyết là đúng quy định pháp luật, việc bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết tại cấp phúc thẩm là vượt quá yêu cầu giải quyết của tòa án cấp phúc thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà Ch, Chị B. Nếu bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xét thấy có căn cứ cho rằng người thừa kế quyền và nghĩa vụ của anh M phải có nghĩa vụ thanh toán tiền nợ, tiền viện, tiền đám tang thì có thể kiện bằng một vụ án khác để Tòa án có thẩm quyền xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

[4] Từ những nhận định trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đúng quy định pháp luật về thừa kế, Hội đồng xét xử ghi nhận. Đối với nội dung kháng cáo và yêu cầu của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xét thấy không có căn cứ và tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không cung cấp bổ sung tài liệu gì khác, Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo và yêu cầu của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử có căn cứ đúng quy định pháp luật.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí:

- Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Ch, chị Nguyễn Thị Mộng B phải

chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Đối với phần án phí dân sự sơ thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy cháu Phan Thị Tuyết N sinh ngày 21/6/2014 (07 tuổi) là trẻ em thuộc trường hợp được miễn án phí, theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nên xét thấy cần sửa một phần về án phí dân sự sơ thẩm bản án dân sự sơ thẩm số: 319/2020/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Ch, chị Nguyễn Thị Mộng B;

- Sửa một phần về án phí dân sự sơ thẩm bản án dân sự sơ thẩm số: 319/2020/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 649, Điều 650 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Tuyết Nh.

- Chia thừa kế theo pháp luật phần di sản do ông Phan Quang M để lại cho hàng thừa kế thứ nhất là cháu Phan Thị Tuyết N.

- Cháu Phan Thị Tuyết N được quyền sở hữu số tiền do ông Phan Quang M ký gởi tại Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT - Chi nhánh Tiền Giang - Phòng giao dịch Chợ Gạo, cụ thể:

+ Tài khoản tiền gởi có kỳ hạn số 070069453455, mở tại Sacombank CN Tiền Giang - PGD Chợ Gạo, số tiền 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng).

+ Tài khoản tiền gởi có kỳ hạn số 070089444959, mở tại Sacombank CN Tiền Giang - PGD Chợ Gạo, số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

+ Tài khoản tiền gởi có kỳ hạn số 070089445157, mở tại Sacombank CN Tiền Giang - PGD Chợ Gạo, số tiền 50.000.000 đồng (Năm chục triệu đồng).

+ Tài khoản tiền gởi có kỳ hạn số 070099899237, mở tại Sacombank CN Tiền Giang - PGD Chợ Gạo, số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

- Giao cho chị Đỗ Thị Tuyết Nh là người giám hộ của cháu Phan Thị Tuyết N quản lý tài sản trên.

## 2. Về án phí dân sự:

### 2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với cháu Phan Thị Tuyết N.

Hoàn lại cho chị Đỗ Thị Tuyết Nh 23.250.000 đồng (Hai mươi ba triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003473 ngày 25/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

### 2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Ch, chị Nguyễn Thị Mộng B mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Bà Ch, Chị B mỗi người đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo hai biên lai thu tạm ứng số 0004199, 0004198 cùng ngày 06 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án huyện C, tỉnh Tiền Giang, xem như đã thi hành xong án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;
- Công bố bản án trên cổng TTĐT;  
DSPT-2020-H.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Hoàng Hiệp**